

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:17/2026/HNGĐ-ST

Ngày:30/3/2026

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tâm- Bà Tô Thị Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Huế- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 182/2025/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984

Nơi thường trú: Xóm Đ, xã P, tỉnh Thái Nguyên, nơi ở: Tòa 208 KTX B S, phường V, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Hoàng Văn K (Hoàng Duy K1), sinh năm 1984.

Nơi thường trú: Xóm Đ, xã P, tỉnh Thái Nguyên

(Chị H có đơn xin xử vắng mặt, anh K1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Hoàng Văn K (Hoàng Duy K1) được tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 01 năm 2005 tại UBND xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, (nay là xã Y, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng bố mẹ chồng tại xóm Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên nay là xóm Đ, xã P, tỉnh Thái Nguyên, trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn tuy nhiên chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất đồng thời anh K1 thường xuyên đi làm xa nhà, mỗi lần về nhà thường tỏ thái độ ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng cãi cọ, đánh chửi nhau. Đến năm 2021 anh K1 bắt đầu đi làm xa nhà, không nói đi làm ở đâu, làm gì mà thỉnh thoảng chỉ liên hệ điện thoại với bố mẹ chồng, giữa chị và anh K1 còn không liên hệ trao đổi gì từ đó cho đến nay, đồng thời anh K1 cũng không về nhà. Do vợ chồng sống không quan tâm, hỏi han, chia

sẽ hoặc chăm sóc lẫn nhau và anh K1 cũng liên hệ gì với chị do đó chị đã nói chuyện về việc giải quyết ly hôn nên được gia đình chồng ủng hộ, do đó chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh K1.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung Hoàng Thị Thu U, sinh ngày 10/10/2005 và Hoàng Gia B, sinh ngày 16/11/2011, khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con Hoàng Gia B, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với cháu B, đối với cháu Hoàng Thị Thu U đã trưởng thành, khỏe mạnh, tự túc lao động được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Văn K (Hoàng Duy K1) vắng mặt tại địa phương nên không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thái Nguyên đã tiến hành xác minh qua đại diện thân nhân là ông Hoàng Văn T (bố đẻ anh K1) và bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ anh K1) xác định: anh K1 đi làm từ năm 2020 cho đến nay, thỉnh thoảng có liên hệ về với gia đình tuy nhiên ông bà không rõ địa chỉ cụ thể của anh K1. Sau khi biết chị H làm đơn giải quyết ly hôn và nhận được thông báo của Tòa án ông, bà đã thông tin cho anh K1, việc vợ chồng anh K1, chị H mâu thuẫn như thế nào ông bà không biết, tuy nhiên anh K1 bỏ nhà đi từ đó không liên hệ, chăm sóc gì tới vợ, con. Giữa anh K1 và chị H có 02 con chung là Hoàng Thị Thu U, sinh ngày 10/10/2005 và Hoàng Gia B, sinh ngày 16/11/2011, hiện cháu U đã trưởng thành, khỏe mạnh, có gia đình riêng; cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 16/11/2011 hiện đang học lớp 8 trường Trung học cơ sở P sinh sống cùng chị H và ông bà. Về tài sản chung của anh K1, chị H ông bà không nắm rõ, không thấy ai đến đòi nợ.

Tại bản tự khai ngày 27/11/2025 cháu Hoàng Gia B trình bày hiện nay đang ở với mẹ, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa chị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt giữ nguyên quan điểm khởi kiện, anh K1 vắng mặt không có quan điểm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên phát biểu quan điểm:

-Về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, 238 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội. Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Hoàng Văn K (Hoàng Duy K1); Về con chung: Giao con chung Hoàng Gia B, sinh ngày 16/11/2011 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh K1; Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết; Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Hoàng Văn K (Hoàng Duy K1) có nơi thường trú: xóm Đ, xã P, tỉnh Thái Nguyên, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4- Thái Nguyên

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn tuy nhiên anh K1 vắng mặt tại địa phương, quá trình giải quyết vụ án, bố, mẹ đẻ anh K1 xác định bị đơn vẫn liên hệ với gia đình, tuy nhiên không biết anh K1 hiện nay ở đâu. Tại công văn số 1200/PQLXNC (Đ1) ngày 19/12/2025 Phòng quản lý xuất nhập cảnh công an tỉnh T xác định: thời điểm tra cứu không có thông tin xuất nhập cảnh của công dân Hoàng Văn K (Hoàng Duy K1), CCCD: 019084014818, do đó Tòa án xác định bị đơn dấu địa chỉ, nơi cư trú, từ chối khai báo và đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú, thông báo về việc thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về quá trình tiến hành tố tụng. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh K1 vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được, tại phiên tòa chị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh K1 vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[1.3] Về việc mâu thuẫn về tên đệm và ngày, tháng sinh của bị đơn: Theo đơn khởi kiện chị H đề nghị giải quyết ly hôn với anh Hoàng Duy K1, sinh ngày 16/8/1984 đồng thời tài liệu chứng cứ kèm theo có xác nhận thông tin nơi cư trú số 000656/XN ngày 05/11/2025 của Công an xã P xác nhận thông tin về cư trú xác nhận bà Nguyễn Thị H sinh ngày 10/04/1984 có quan hệ với chủ hộ Hoàng Duy K1, số định danh cá nhân 019084014818 là vợ. Tuy nhiên, theo các tài liệu Trích lục kết hôn của UBND xã P xác định chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 10/04/1984 kết hôn với anh Hoàng Văn K, sinh ngày 16/8/1984; Giấy Khai sinh cháu Hoàng Gia B và Hoàng Thị Thu U đều có họ và tên cha là Hoàng Văn K. Tòa án đã yêu cầu

tài liệu chứng cứ để xác định việc mâu thuẫn trong tài liệu tuy nhiên chị H xác định mất đăng ký kết hôn gốc và đề nghị xác minh thu thập chứng cứ.

Tại biên bản làm việc ngày 27/11/2025 công an xã P, tỉnh Thái Nguyên xác định theo thông tin trên hệ thống dữ liệu quốc gia về dân cư thể hiện số sổ hộ khẩu 05602-001434 chủ hộ anh Hoàng Văn K, sinh ngày 16/8/1984, trong khẩu có chị Nguyễn Thị H quan hệ với chủ hộ là vợ, có 02 con là Hoàng Thị Thu U và Hoàng Gia B; anh K là con của bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957 và ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1956.

Tại Giấy xác nhận Số chứng minh nhân dân 09 số, số định danh số 01/XN ngày 07/7/2025 của công an xã P xác định: Thẻ căn cước công dân đang sử dụng có thông tin Hoàng Văn K, sinh ngày 16/8/1984, số định danh cá nhân 019084014818 cấp ngày 11/08/2024; Chứng minh nhân dân 09 số đã cấp có thông tin Hoàng Duy K1, sinh 16/06/1984, số chứng minh nhân dân 091755132 cấp ngày 09/08/2012.

Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định anh Hoàng Văn K, sinh ngày 16/8/1984 và anh Hoàng Duy K1, sinh 16/06/1984 là một người.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn K (Hoàng Duy K1) có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã Y, tỉnh Tuyên Quang) trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Chị H xác định nguyên nhân mâu thuẫn do anh K1 đi làm xa nhà, mỗi lần về nhà thường thể hiện sự ghen tuông vô cớ dẫn đến cãi vã, từ năm 2021 anh K1 bắt đầu đi làm xa nhà nhưng cũng không nói đi đâu, làm gì thỉnh thoảng chỉ liên hệ điện thoại với bố mẹ chồng, còn không liên hệ trao đổi gì chị từ đó đến nay. Quá trình giải quyết anh K1 không có lời khai, không thể hiện quan điểm tuy nhiên trình bày của chị H phù hợp với lời khai của bố mẹ đẻ anh K1 về việc vợ chồng sống ly thân từ năm 2021. Do đó, Hội đồng xét xử thấy: Từ năm 2021 đến nay, anh K1 bỏ đi làm xa, không thông báo địa chỉ, không liên hệ, không thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vợ con, thực tế anh chị đã ly thân trong một thời gian dài, mặc dù anh K1 đã được bố mẹ đẻ thông báo về việc chị H gửi đơn ra Tòa nhưng không có phản hồi, không về Tòa án giải quyết điều này cho thấy anh K1 có thái độ bỏ mặc, không có ý thức xây dựng hay hàn gắn hạnh phúc gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh K1 đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả 2 bên. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị H được ly hôn với anh K1 là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị H và anh K1 có hai con chung Hoàng Thị Thu U, sinh ngày 10/10/2005 và Hoàng Gia B, sinh ngày 16/11/2011, chị H đề nghị được nuôi cháu Gia B, đối với cháu Thu U hiện đã trưởng thành, có gia đình riêng và đủ sức

khỏe lao động chị không yêu cầu giải quyết cũng như không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy:

Đối với cháu U1 đã trưởng thành, theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, khi con đã thành niên và có khả năng lao động, Tòa án không đặt ra vấn đề giao nuôi dưỡng hay cấp dưỡng, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với cháu U là phù hợp với pháp luật.

Đối với cháu Hoàng Gia B hiện đang sinh sống ổn định cùng chị H và ông bà nội, chị H trực tiếp chăm sóc con từ khi anh K1 đi vắng đến nay, nguyện vọng nuôi con của chị nhận được sự ủng hộ từ phía gia đình chồng, anh K1 bỏ đi làm xa, không rõ địa chỉ, không liên hệ hay chăm sóc con cái trong thời gian dài đồng thời cháu B có nguyện vọng được ở với chị H. Để đảm bảo được quyền lợi mọi mặt cho trẻ dưới 18 tuổi, phù hợp với thực tế cũng như quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con chung Hoàng Gia B, sinh ngày 16/11/2011 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: do chị H tự nguyện không yêu cầu anh K1 cấp dưỡng nên Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của chị H, T2 hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh K1 cho đến khi chị H có yêu cầu.

Anh K1 có quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung, cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

[4] Về tài sản chung: Chị H xác định không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh K1 không có lời khai nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Giành quyền khởi kiện cho các đương sự khởi kiện vụ án dân sự khác.

[5.] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng căn cứ khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự người yêu cầu phải chịu số tiền chi phí đăng tin thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, số tiền trên nguyên đơn đã thanh toán xong nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6.] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7.] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thái Nguyên là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, Điều 179, Điều 180, điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Hoàng Văn K (Hoàng Duy K1).

2. Về con chung: Chị H và anh K1 có 02 (hai) con chung là Hoàng Thị Thu U, sinh ngày 10/10/2005 và Hoàng Gia B, sinh ngày 16/11/2011.

2.1 Giao con Hoàng Gia B, sinh ngày 16/11/2011 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với Anh K1 cho đến khi chị H có yêu cầu.

2.3 Anh Hoàng Văn K (Hoàng Duy K1) có quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung, cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

Trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích của con chung, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

2.4 Đối với con thứ nhất Hoàng Thị Thu U, sinh ngày 10/10/2005 đã trưởng thành, đủ sức khỏe, tự lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Đương sự xác định không yêu cầu giải quyết, về nợ chung xác định không có, nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Giành quyền khởi kiện vụ kiện dân sự khác cho các đương sự, nếu có tranh chấp.

4. Về chi phí tố tụng: Đã thực hiện xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002432, ngày 24/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 4 – Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang
(ĐKKH số 222 ngày 15/01/2005 tại UBND xã
Lang Quán, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên
Quang);
- Lưu: HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Chu Thị Bích Hiền